

Số: 780/TB-UBND

Xã Nguyễn Bình Khiêm, ngày 11 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai nguồn gốc đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trần Dương - Hoà Bình (Khu B) - Giai đoạn 1

Căn cứ Nghị Quyết số 78/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng thông qua các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4968/QĐ-UBND ngày 6/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trần Dương - Hoà Bình (Khu B) - Giai đoạn 1;

Căn cứ Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Nguyễn Bình Khiêm kế hoạch thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trần Dương - Hoà Bình (Khu B) - Giai đoạn 1;

Căn cứ Trích đo Bản đồ địa chính đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 24/12/2025

Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Bình Khiêm thông báo như sau:

1. Niêm yết công khai nguồn gốc đất của 110 hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nông nghiệp thu hồi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trần Dương - Hoà Bình (Khu B) - Giai đoạn 1.

(Kèm theo danh sách chi tiết)

2. Thời gian công khai: Từ 8 giờ 30 phút ngày 11/3/2026.

3. Địa điểm công khai: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Bình Khiêm và Nhà văn hóa thôn Dương Am.

Trong thời gian công khai nếu tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai đề nghị liên hệ với phòng Kinh tế hoặc gửi ý kiến bằng văn bản về UBND xã Nguyễn Bình Khiêm để được kiểm tra, xác minh theo quy định.



Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Bình Khiêm thông báo để các tổ chức, hộ gia đình và các cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án được biết ./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND xã;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Phòng Kinh tế;
- Ban quản lý dự án ĐTXD xã;
- Trường thôn Dương Am;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT,KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Lộc



TRÍCH LỤC NGUỒN GỐC ĐẤT THỦ HỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TRẦN DƯƠNG - HÒA BÌNH (KHU B), GIAI ĐOẠN 1
ĐỊA ĐIỂM: THÔN DƯƠNG AM, XÃ NGUYỄN BÌNH KHIÊM, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số hộ	Họ và tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ pháp lý	Họ và tên hiện trạng người đang sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích được giao theo Quyết định số 03 (m2)	Diện tích của thửa đất thu hồi được giao theo QĐ 03/QĐ-UBND thành phố (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án (m2)	Diện tích đất 95% (m2)	Trong đó		Số tờ, số thửa theo Mảnh trích đo địa chính năm 2025			Số tờ, số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc giấy tờ pháp lý)			Tỷ lệ mất ruộng (%)	Ghi chú
								Trong chi giới thu hồi (m2)	Ngoài chi giới thu hồi (m2)	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa		
1	Nguyễn Văn Sinh	Nguyễn Văn Sinh	Thôn Dương Am	5040	1.608	1.608	1.608	4	162	5	3/26	5	3/26	Về ngoài Bắc	31,9%		
2	Bùi Văn Thiết	Bùi Văn Thiết	Thôn Dương Am	1440	240	240	240	4	192	5	1/26	5	1/26	Về ngoài Bắc	16,7%		
3	Bùi Văn Tung	Bùi Văn Tung (Gái)	Thôn Dương Am	1452	144	144	144	4	200	5	2/26	5	2/26	Về ngoài Bắc	9,9%		
4	Đào Quang Thoảng	Đào Quang Thoảng	Thôn Dương Am	1440	432	432	432	4	214	5	4/26	5	4/26	Về ngoài Bắc	30,0%		
5	Trần Thị Liên (Hiện)	Trần Thị Liên (Hiện)	Thôn Dương Am	2148	312	312	312	4	221	5	1/26	5	1/26	Về ngoài Bắc	14,5%		
6	Trần Văn Gắng	Trần Văn Gắng (Tường)	Thôn Dương Am	3624	144	144	144	4	225	5	2/26	5	2/26	Về ngoài Bắc	13,9%		
	Trần Văn Gắng	Trần Văn Gắng (Tường)	Thôn Dương Am		360	360	360	4	502	12	5/66			Bộp trong 4			
7	Đào Quang Chuyên	Đào Quang Chuyên (Hát)	Thôn Dương Am	3636	432	432	432	4	238	5	1/26	5	1/26	Về ngoài Bắc	11,9%		
8	Đoàn Thị Nguyệt	Đoàn Thị Nguyệt	Thôn Dương Am	1476	108	108	108	4	264	5	9/27	5	9/27	Về ngoài Nam	7,3%		
9	Trần Văn Quỳnh (Tim)	Trần Văn Quỳnh (Tim)	Thôn Dương Am	5028	732	732	732	4	280	5	8/27	5	8/27	Về ngoài Nam	14,6%		
10	Trần Thị Ton	Trần Thị Ton	Thôn Dương Am	720	156	156	156	4	298	5	7/27	5	7/27	Về ngoài Nam	21,7%		
11	Nguyễn Thị Xoa	Nguyễn Thị Xoa, chồng Bùi Văn Hưng	Thôn Dương Am	2880	408	408	408	4	305	5	3/27	5	3/27	Về ngoài Nam	14,2%		
12	Trần Thị Chát (Thủy)	Trần Thị Chát (Thủy)	Thôn Dương Am	2160	324	324	324	4	309	5	6/27	5	6/27	Về ngoài Nam	15,0%		
13	Nguyễn Thị Dương	Nguyễn Thị Dương	Thôn Dương Am	1416	432	432	432	4	315	5	5/25	5	5/25	Về Trong 4	30,5%		

Số hộ	Họ và tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ pháp lý	Họ và tên hiện trạng người đang sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích được giao theo Quyết định số 03 (m ²)	Diện tích của thửa đất thu hồi được giao theo QĐ 03/QĐ-UBND thành phố (m ²)	Tổng diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án (m ²)	Diện tích đất 95% (m ²)	Trong đó		Số tờ, số thửa theo Mảnh trích đo địa chính năm 2025		Số tờ, số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc giấy tờ pháp lý)			Tỷ lệ mất ruộng (%)	Ghi chú
								Trong chỉ giới thu hồi (m ²)	Ngoài chỉ giới thu hồi (m ²)	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Xứ đông		
14	Đào Quang Hoàn	Đào Quang Hoàn (Mặn)	Thôn Dương Am	2880	396	396	396	396	4	316	5	4/27	Về ngoài Nam	13,8%		
15	Trần Thị Hoài	Trần Thị Hoài, chồng Nguyễn Văn Ngọc	Thôn Dương Am	2160	324	324	324	324	4	320	5	5/27	Về ngoài Nam	15,0%		
16	Vũ Văn Hùng	Vũ Văn Hùng	Thôn Dương Am	1440	216	216	216	216	4	326	5	5/27	Về ngoài Nam	15,0%		
17	Vũ Thị Thim	Vũ Thị Thim	Thôn Dương Am	4320	624	624	624	624	4	327	5	3/27	Về ngoài Nam	14,4%		
18	Hà Thị Xếp	Hà Thị Xếp (Thuận)	Thôn Dương Am	2928	480	480	480	480	4	330	5	5/25	Về trong 4	16,4%		
19	Bùi Văn Thùy	Bùi Văn Thùy	Thôn Dương Am	2880	396	396	396	396	4	332	5	4/27	Về ngoài Nam	13,8%		
20	Trần Văn Dương	Trần Văn Dương	Thôn Dương Am	3600	540	540	540	540	4	336	5	6/27	Về ngoài Nam	15,0%		
21	Bùi Văn Thắng, vợ Nguyễn Thị Truyền	Bùi Văn Thắng, vợ Nguyễn Thị Truyền	Thôn Dương Am	2880	432	432	432	432	4	344	5	6/25	Về trong 4	15,0%		
22	Trần Văn Vời	Trần Văn Vời	Thôn Dương Am	3600	528	528	528	528	4	346	5	3/27	Về ngoài Nam	14,7%		
23	Bùi Văn Xoan	Bùi Văn Xoan (San)	Thôn Dương Am	3600	540	540	540	540	4	349	5	1/27	Về ngoài	15,0%		
24	Đào Quang Bằng	Đào Quang Bằng	Thôn Dương Am	3600	384	384	384	384	4	350	5	7/27	Về ngoài	10,7%		
25	Bùi Văn Đoan	Bùi Văn Đoan	Thôn Dương Am	2880	432	432	432	432	4	360	5	5/25	Về trong 4	15,0%		
26	Trần Văn Phương	Trần Văn Phương	Thôn Dương Am	3600	336	336	336	336	4	362	5	2/27	Về ngoài Nam	9,3%		
27	Bùi Văn Liêng	Bùi Văn Liêng (Huế)	Thôn Dương Am	5040	744	744	744	744	4	368	5	8/27	Về ngoài	14,8%		
28	Trần Văn Biên	Trần Văn Biên	Thôn Dương Am	4320	648	648	648	648	4	375	5	2/27	Về ngoài Nam	15,0%		
29	Trần Bá Kiệu	Trần Bá Kiệu	Thôn Dương Am	2880	408	408	408	408	4	376	5	1/27	Về ngoài Nam	14,2%		
30	Đào Quang Thê	Đào Quang Thê	Thôn Dương Am	4716	864	864	864	864	4	380	5	4/25	Về Trong 4	18,3%		
31	Trần Văn Khải	Trần Văn Khải (Quần)	Thôn Dương Am	4320	648	648	648	648	4	386	5	15/25	Về Trong 4	15,0%		

Số hộ	Họ và tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ pháp lý	Họ và tên hiện trạng người đang sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích được giao theo Quyết định số 03/QĐ-UBND thành phố (m2)	Diện tích của thửa đất thu hồi được giao theo QĐ 03/QĐ-UBND thành phố (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án (m2)	Diện tích đất 95% (m2)	Trong đó		Số tờ, số thửa theo Mạnh trích đo địa chính năm 2025			Số tờ, số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc giấy tờ pháp lý)			Tỷ lệ mất ruộng (%)	Ghi chú	
								Trong chỉ giới thu hồi (m2)	Ngoài chỉ giới thu hồi (m2)	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Xứ đồng				
32	Bùi Văn Lịm	Bùi Văn Lịm (Độ)	Thôn Dương Am	4440	648	648	648	648	4	4	388	5	9/27	5	9/27	Về ngoài Nam	14,6%	
33	Phạm Thị Mai	Phạm Thị Mai (Quý)	Thôn Dương Am	2160	228	228	228	228	4	4	398	5	2/27	5	2/27	Về ngoài Nam	23,9%	
34	Phạm Thị Mai	Phạm Thị Mai (Quý)	Thôn Dương Am		288	288	288	288	4	4	534	5	2/27	5	2/27	Về ngoài nam		
	Đào Văn Quý	Đào Văn Quý (Hà)	Thôn Dương Am	4320	360	360	360	360	4	4	400	12	22/64	12	22/64	Bộp ngoài 2	20,0%	
	Đào Văn Quý	Đào Văn Quý (Hà)	Thôn Dương Am		360	360	360	360	5	5	31	12	4/67	12	4/67	Bộp trong 3		
	Đào Văn Quý	Đào Văn Quý (Hà)	Thôn Dương Am		144	144	144	144	4	4	505	12	14/67	12	14/67	Bộp trong 3		
35	Trần Văn Thìn	Trần Văn Thìn	Thôn Dương Am	2160	324	324	324	324	4	4	401	5	17/67	5	17/67	Về Trong 4	15,0%	
36	Đào Quang Bảy	Đào Quang Bảy (Nho)	Thôn Dương Am	1440	216	216	216	216	4	4	404	5	16/25	5	16/25	Về Trong 4	15,0%	
37	Đào Quang Thịnh	Đào Quang Thịnh	Thôn Dương Am	1440	216	216	216	216	4	4	411	5	17/25	5	17/25	Về Trong 4	15,0%	
38	Đoàn Trúc Hiệp	Đoàn Trúc Hiệp	Thôn Dương Am	2147	252	252	252	252	4	4	413	5	16/14	5	16/14	Tiền trong 2	23,5%	
	Đoàn Trúc Hiệp	Đoàn Trúc Hiệp	Thôn Dương Am		252	252	252	252	4	4	424	12	20/64	12	20/64	Bộp ngoài 2		
39	Trần Quốc Tịch	Trần Quốc Tịch	Thôn Dương Am	4328	360	360	360	360	4	4	416	12	1/64	12	1/64	Bộp ngoài 2	8,3%	
40	Nguyễn Thị Cúc	Nguyễn Thị Cúc	Thôn Dương Am	4296	576	576	576	576	4	4	417	5	2/25	5	2/25	Bãi 17	13,4%	
41	Nguyễn Thị Bao	Nguyễn Thị Bao (Bằng)	Thôn Dương Am	3552	240	240	240	240	4	4	418	5	1/25	5	1/25	Về trong 4		
	Nguyễn Thị Bao	Nguyễn Thị Bao (Bằng)	Thôn Dương Am		432	432	432	432	4	4	434	5	1/25	5	1/25	Về trong 4	32,4%	
	Nguyễn Thị Bao	Nguyễn Thị Bao (Bằng)	Thôn Dương Am		480	480	480	480	4	4	500	12	4/66	12	4/66	Bộp trong 4		
42	Trần Văn Áo	Trần Văn Áo	Thôn Dương Am	2880	240	240	240	240	4	4	427	12	2/64	12	2/64	Bộp ngoài	8,3%	
43	Trần Văn Tiệp	Trần Văn Tiệp (Ca)	Thôn Dương Am	2160	276	276	276	276	4	4	429	12	18/65	12	18/65	Bộp ngoài 1	12,8%	

Số hộ	Họ và tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ pháp lý	Họ và tên hiện trạng người đang sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích được giao theo Quyết định số 03 (m2)	Diện tích của thửa đất thu hồi được giao theo QĐ 03/QĐ-UBND thành phố (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án (m2)	Diện tích đất 95% (m2)	Trong đó		Số tờ, số thửa theo Mạnh trích đo địa chính năm 2025		Số tờ, số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc giấy tờ pháp lý)			Tỷ lệ mất ruộng (%)	Ghi chú
								Trong chỉ giới thu hồi (m2)	Ngoài chỉ giới thu hồi (m2)	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số thửa		
44	Trần Thị Tỷ (Lê)	Trần Thị Tỷ (Lê)	Thôn Dương Am	2160	180	180	180	180	180	4	437	12	3/64	Bộ ngoài 2	8,3%	
45	Trần Văn Hiến	Trần Văn Hiến	Thôn Dương Am	5052	564	564	564	564	564	4	443	12	19/64	Bộ ngoài 2	11,2%	
46	Trần Văn Hiệu	Trần Văn Hiệu	Thôn Dương Am	3600	276	276	276	276	276	4	445	12	17/65	Bộ ngoài 1	7,7%	
47	Đoàn Văn Kỳ	Đoàn Văn Kỳ (Khánh)	Thôn Dương Am	2904	240	240	240	240	240	4	446	12	4/65	Bộ ngoài	8,3%	
48	Bùi Văn Lộc	Bùi Văn Lộc (Hưng)	Thôn Dương Am	4320	504	504	504	504	504	4	447	12	1/65	Bộ ngoài 1		
49	Đoàn Văn Mông	Đoàn Văn Mông (Khánh)	Thôn Dương Am	1416	180	180	180	180	180	4	454	12	5/64	Bộ ngoài 2	12,7%	
50	Trần Văn Lự (Đến)	Trần Văn Lự (Đến)	Thôn Dương Am	3648	240	240	240	240	240	4	456	12	18/64	Bộ ngoài 2	6,6%	
51	Trần Văn Tiêm	Trần Văn Tiêm	Thôn Dương Am	3600	300	300	300	300	300	4	457	12	16/65	Bộ ngoài 1	8,3%	
52	Bùi Văn Long	Bùi Văn Long	Thôn Dương Am	3588	300	300	300	300	300	4	460	12	7/64	Bộ ngoài 1	8,4%	
53	Đoàn Văn Long	Đoàn Văn Long	Thôn Dương Am	3600	300	300	300	300	300	4	462	12	6/69	Bộ ngoài 2	8,3%	
54	Bùi Văn Thiêng	Bùi Văn Thiêng	Thôn Dương Am	5052	360	360	360	360	360	4	466	12	18/64	Bộ ngoài	7,1%	
55	Đoàn Thị Tươi	Đoàn Thị Tươi (Vê)	Thôn Dương Am	3600	300	300	300	300	300	4	470	12	7/64	Bộ ngoài 2	8,3%	
56	Trần Văn Hòa, vợ Không Thị Xanh	Trần Văn Hòa, vợ Không Thị Xanh	Thôn Dương Am	1440	120	120	120	120	120	4	471	12	3/65	Bộ ngoài 1	8,3%	
57	Bùi Văn Chung	Bùi Văn Chung (Chung)	Thôn Dương Am	5045	420	420	420	420	420	4	473	(11);12	15/65	Bộ ngoài 1	8,3%	
58	Đoàn Thị Phụ	Đoàn Thị Phụ	Thôn Dương Am	1440	120	120	120	120	120	4	474	5	4(65)	Bộ ngoài 1	8,3%	
59	Trần Văn Các	Trần Văn Các	Thôn Dương Am	2880	240	240	240	240	240	4	477	12	8/64	Bộ ngoài 2	8,3%	
60	Đoàn Văn Hiếu	Đoàn Văn Hiếu	Thôn Dương Am	5040	420	420	420	420	420	4	478	12	16/64	Bộ ngoài 2	8,3%	

Số hộ	Họ và tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ pháp lý	Họ và tên hiện trạng người đang sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích được giao theo Quyết định số 03 (m2)	Diện tích của thửa đất thu hồi được giao theo QĐ 03/QĐ-UBND thành phố (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án (m2)	Diện tích đất 95% (m2)	Trong đó		Số tờ, số thửa theo Mảnh trích đo địa chính năm 2025		Số tờ, số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc giấy tờ pháp lý)			Tỷ lệ mất ruộng (%)	Ghi chú
								Trong chỉ giới thu hồi (m2)	Ngoài chỉ giới thu hồi (m2)	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ		
61	Trần Thị Sành	Trần Thị Sành	Thôn Dương Am	4320	360	360	360	360	360	4	480	12	4/65	Bộ ngoài 1	8,3%	
62	Trần Văn Vững	Trần Văn Vững	Thôn Dương Am	4320	504	504	504	504	504	4	482	12	7/63	Bộ ngoài 4	19,4%	
	Trần Văn Vững	Trần Văn Vững	Thôn Dương Am		336	336	336	336	336	4	516	12	11/65	Bộ ngoài 1		
63	Bùi Văn Bình	Bùi Văn Bình	Thôn Dương Am	5028	420	420	420	420	420	4	484	12	9/64	Bộ ngoài	8,4%	
64	Bùi Văn Y	Bùi Văn Y (Liên)	Thôn Dương Am	2876	240	240	240	240	240	4	485	12	14/65	Bộ ngoài	8,3%	
65	Đoàn Văn Hà	Đoàn Văn Hà (Ba)	Thôn Dương Am	5040	360	360	360	360	360	4	486	12	15/64	Bộ ngoài	7,1%	
66	Nguyễn Thế Hóa	Nguyễn Thế Hóa	Thôn Dương Am	3600	300	300	300	300	300	4	488	12	5/65	Bộ ngoài 1	8,3%	
67	Đoàn Minh Ninh	Đoàn Minh Ninh (Thành)	Thôn Dương Am	2160	180	180	180	180	180	4	489	12	16/64	Bộ ngoài 2	8,3%	
68	Bùi Văn Mến	Bùi Văn Mến (Liên)	Thôn Dương Am	3660	300	300	300	300	300	4	491	12	13/69	Bộ ngoài 1	8,2%	
69	Trần Thị Quyết	Trần Thị Quyết	Thôn Dương Am	1440	120	120	120	120	120	4	492	12	14/64	Bộ ngoài 2	8,3%	
70	Đào Quang Thịnh	Đào Quang Thịnh	Thôn Dương Am	1440	432	432	432	432	432	4	494	12	2/66	Bộ trong 4	30,0%	
71	Bùi Văn Dân	Bùi Văn Dân	Thôn Dương Am	2160	180	180	180	180	180	4	495	12	3/67	Bộ trong 3	8,3%	
72	Trần Thị Bím	Trần Thị Bím	Thôn Dương Am	1440	120	120	120	120	120	4	496	12	13/64	Bộ ngoài 3	8,3%	
73	Trần Văn Lợi	Trần Văn Lợi (Long)	Thôn Dương Am	3600	240	240	240	240	240	4	497	12	6/65	Bộ ngoài 1	6,7%	
74	Bùi Văn Vịnh	Bùi Văn Vịnh (Bằng)	Thôn Dương Am	2088	324	324	324	324	324	4	498	12	3/66	Bộ trong 4	15,5%	
75	Trần Thị Sen	Trần Thị Sen	Thôn Dương Am	1448	180	180	180	180	180	4	501	12	11/64	Bộ ngoài 2	12,4%	
76	Đoàn Văn Chung	Đoàn Văn Chung (Hoa)	Thôn Dương Am	3600	180	180	180	180	180	4	503	12	12/65	Bộ ngoài	5,0%	
77	Trần Thị Liên	Trần Thị Liên (Đón)	Thôn Dương Am	1440	240	240	240	240	240	4	506	12	6/66	Bộ trong 4	16,7%	



Số hộ	Họ và tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ pháp lý	Họ và tên hiện trạng người đang sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích được giao theo Quyết định số 03 (m ²)	Diện tích của thửa đất thu hồi được giao theo QĐ 03/QĐ-UBND thành phố (m ²)	Tổng diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án (m ²)	Diện tích đất 95% (m ²)	Trong đó		Số tờ, số thửa theo Mạnh trích đo địa chính năm 2025		Số tờ, số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc giấy tờ pháp lý)			Tỷ lệ mất ruộng (%)	Ghi chú
								Trong chỉ giới thu hồi (m ²)	Ngoài chỉ giới thu hồi (m ²)	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số thửa		
78	Trần Văn Phan	Trần Văn Phan	Thôn Dương Am	2880	240	240	240	240	240	4	507	12	7/65	Bộp ngoài 1	8,3%	
79	Nguyễn Văn Việt	Nguyễn Văn Việt	Thôn Dương Am	2880	492	492	492	492	492	4	508	12	1/66	Bộp trong 4	17,1%	
80	Trần Văn Lạ	Trần Văn Lạ	Thôn Dương Am	2952	240	240	240	240	240	4	509	12	12/64	Bộp ngoài 5	8,1%	
81	Đoàn Văn Đò	Đoàn Văn Đò (Thanh)	Thôn Dương Am	3600	300	300	300	300	300	4	510	12	13/67	Bộp trong 3	8,3%	
82	Đào Quang Sơn	Đào Quang Sơn (Huyền)	Thôn Dương Am	4272	672	672	672	672	672	4	511	12	2/66	Bãi 17	15,7%	
83	Trần Văn Đoàn, vợ Bùi Thị Bánh	Trần Văn Đoàn, vợ Bùi Thị Bánh	Thôn Dương Am	5040	396	396	396	396	396	4	512	12	12/67	Bộp trong 3	7,9%	
84	Hà Văn Hoa	Hà Văn Hoa (Khoa)	Thôn Dương Am	3600	600	600	600	600	600	4	513	12	9/66	Bộp trong 4	16,7%	
85	Bùi Thị Ton	Bùi Thị Ton	Thôn Dương Am	4320	360	360	360	360	360	4	514	12	11/67	Bộp trong 3	8,3%	
86	Hà Văn Lập	Hà Văn Lập	Thôn Dương Am	2160	360	360	360	360	360	4	515	12	4/66	Bộp ngoài 4	16,7%	
87	Trần Văn Sự	Trần Văn Sự (Dũng)	Thôn Dương Am	2880	240	240	240	240	240	4	517	12	9/67	Bộp trong 3	8,3%	
88	Trần Văn Chất	Trần Văn Chất (Hùng)	Thôn Dương Am	3576	300	300	300	300	300	4	518	12	8/65	Bộp ngoài 1	8,4%	
89	Trần Văn Hoàn	Trần Văn Hoàn	Thôn Dương Am	1440	120	120	120	120	120	4	519	12	16/61	Bộp trong 3	8,3%	
90	Hà Văn Oanh	Hà Văn Oanh	Thôn Dương Am	2160	360	360	360	360	360	4	520	12	5/66	Bộp trong 4	16,7%	
91	Trần Văn Thuấn	Trần Văn Thuấn	Thôn Dương Am	2880	240	240	240	240	240	4	521	12	8/67	Bộp trong 3	8,3%	
92	Nguyễn Văn Thiềm	Nguyễn Mạnh Hoàn	Thôn Dương Am	2172	216	216	216	216	216	4	522	12	1/69	Ngoài công	9,9%	
93	Trần Văn Tạc	Trần Văn Tạc	Thôn Dương Am	1428	120	120	120	120	120	4	523	12	9/65	Bộp ngoài 1	8,4%	
94	Đoàn Văn Trinh	Đoàn Văn Trinh	Thôn Dương Am	2160	180	180	180	180	180	4	524	12	10/65	Bộp ngoài 1	8,3%	

Số hộ	Họ và tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ pháp lý	Họ và tên hiện trạng người đang sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích được giao theo Quyết định số 03 (m ²)	Diện tích của thửa đất thu hồi được giao theo QĐ 03/QĐ-UBND thành phố (m ²)	Tổng diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án (m ²)	Diện tích đất 95% (m ²)	Trong đó		Số thửa theo Mã trích đo địa chính năm 2025		Số tờ, số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc giấy tờ pháp lý)			Tỷ lệ mất ruộng (%)	Ghi chú
								Trong chi giới thu hồi (m ²)	Ngoài chi giới thu hồi (m ²)	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa		
95	Đoàn Văn Tế	Đoàn Văn Tế	Thôn Dương Am	5760	502	502	502	502	502	4	525	12	1/66	Bộ trong 4	8,7%	
96	Nguyễn Văn Hào	Nguyễn Văn Hào (Hòa)	Thôn Dương Am	768	192	192	192	192	192	4	526	12	4/66	Đồng 10	25,0%	
97	Bùi Thị Đua	Bùi Thị Đua	Thôn Dương Am	1464	120	120	120	120	120	4	527	12	1/67	Bộ trong 3	8,2%	
98	Bùi Văn Mừng	Bùi Văn Mừng (Sán)	Thôn Dương Am	2208	120	120	120	120	120	4	528	12	2/67	Bộ trong 3	5,4%	
99	Trần Văn Hải	Trần Văn Hải	Thôn Dương Am	5760	420	420	420	420	420	4	529	12	5/66	Bộ trong 4	7,3%	
100	Nguyễn Thế Thạnh	Nguyễn Thế Thạnh	Thôn Dương Am	3600	300	300	300	300	300	4	530	12	3/67	Bộ ngoài 3	8,3%	
101	Trần Văn Mềm	Trần Văn Mềm	Thôn Dương Am	3624	300	300	300	300	300	4	531	12	4/67	Bộ trong 3	8,3%	
102	Trần Văn Công	Trần Văn Công (Hàng)	Thôn Dương Am	2880	240	240	240	240	240	4	532	12	4/66	Bộ trong 4	8,3%	
103	Lương Văn Thoa (chết)	vợ Trần Thị Thành	Thôn Dương Am	4548	408	408	408	408	408	4	533	12	5/67	Bộ trong 3	9,0%	
104	Đoàn Văn Thuộc	Đoàn Văn Thuộc (Thêm)	Thôn Dương Am	2880	240	240	240	240	240	5	25	12	7/67	Bộ trong 3	8,3%	
105	Trần Văn Tuất	Trần Văn Tuất	Thôn Dương Am	2160	180	180	180	180	180	5	27	12	6/67	Bộ trong 3	8,3%	
106	Trần Văn Kiều	Trần Văn Kiều (Bơi)	Thôn Dương Am	3600	420	420	420	420	420	5	28	12	5/67	Vê trong 3	11,7%	
107	Đoàn Kết Nhung	Đoàn Kết Nhung (Hiên)	Thôn Dương Am	2088	180	180	180	180	180	5	32	12	3/67	Bộ ngoài 3	8,6%	
108	Nguyễn Mạnh Hoàn	Nguyễn Mạnh Hoàn	Thôn Dương Am	4320	360	360	360	360	360	5	73	12	6/67	Bộ trong 3	8,3%	
109	Trần Văn Nghi	Trần Văn Nghi	Thôn Dương Am	3588	240	240	240	240	240	5	75	12	7/67	Bộ ngoài 3	6,7%	

